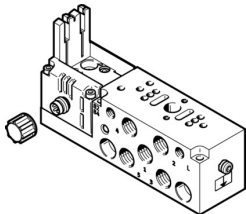


# Tấm kết nối VMPA2-IC-AP-1-EX1E

Số bộ phận: 8005151

FESTO



## Bảng dữ liệu

| Đặc tính                                        | Giá trị                                                                                         |
|-------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Rộng                                            | 30.5 mm                                                                                         |
| Chiều dài                                       | 107.3 mm                                                                                        |
| Kích thước lưới                                 | 21 mm                                                                                           |
| Áp suất vận hành                                | 0.3 MPA...0.8 MPA<br>3 bar...8 bar                                                              |
| Áp suất điều khiển                              | 0.3 MPA...0.8 MPA<br>3 bar...8 bar                                                              |
| Dấu hiệu KC                                     | KC-EMV                                                                                          |
| Dấu CE (xem tuyên bố về sự phù hợp)             | theo chỉ thị EMC của EU<br>theo chỉ thị chống cháy nổ của EU (ATEX)<br>theo chỉ thị RoHS của EU |
| Dấu UKCA (xem tuyên bố về sự phù hợp)           | theo quy định UK cho EMV<br>theo quy định UK EX<br>theo các quy định UK RoHS                    |
| Phê duyệt bảo vệ Ex bên ngoài Liên minh Châu Âu | EPL GB (BR)                                                                                     |
| Chống cháy nổ                                   | Vùng 1 (BR)<br>Vùng 2 (ATEX)                                                                    |
| Danh mục ATEX Khí                               | II 3G                                                                                           |
| Loại chống cháy nổ Khí                          | Ex ec IIC T4 Gc X                                                                               |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh ngoài            | -5°C ≤ Ta ≤ +50°C                                                                               |
| Lớp chống ăn mòn KBK                            | 0 - không ứng suất ăn mòn                                                                       |
| Tuân thủ LABS                                   | VDMA24364-B1/B2-L                                                                               |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh                  | -5 °C...50 °C                                                                                   |
| trọng lượng sản phẩm                            | 233 g                                                                                           |
| Cổng nối điện                                   | M8<br>Phích cắm                                                                                 |
| Kiểu lắp tấm kết nối                            | với lỗ xuyên                                                                                    |
| Cổng nối khí nén 1                              | G1/8                                                                                            |
| Cổng nối khí nén 2                              | G1/8                                                                                            |
| Cổng nối khí nén 3                              | G1/8                                                                                            |
| Cổng nối khí nén 4                              | G1/8                                                                                            |
| Cổng nối khí nén 5                              | G1/8                                                                                            |
| Ghi chú vật liệu                                | Tuân thủ RoHS                                                                                   |

| Đặc tính             | Giá trị         |
|----------------------|-----------------|
| Vật liệu tấm kết nối | Nhôm đúc áp lực |